

## GIÁ TRỊ THẨM MỸ, BIỂU TƯỢNG TRONG MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN VÀ VĂN HÓA - XÃ HỘI CỦA DÂN TỘC CHỨT Ở TỈNH QUẢNG BÌNH

TS. Nguyễn Thị Tám

Viện Dân tộc học

Email: hongtam.ls89@gmail.com

**Tóm tắt:** Bài viết tìm hiểu các giá trị thẩm mỹ và giá trị biểu tượng trong môi trường tự nhiên và môi trường văn hóa - xã hội của người Chứt ở tỉnh Quảng Bình. Qua đó cho thấy những yếu tố từ môi trường tự nhiên ảnh hưởng mạnh mẽ đến văn hóa của tộc người này, thể hiện qua nhà cửa, trang phục vỏ cây, những món ăn đặc trưng, nhạc cụ, công cụ sản xuất, hay các hoạt động tín ngưỡng, lễ hội,... Những giá trị thẩm mỹ, biểu tượng được nói đến trong bài chính là những chất liệu văn hóa quan trọng giúp cho người dân và các nhà khoa học lựa chọn, định hình nên bộ trang phục sinh hoạt cộng đồng mang bản sắc văn hóa tộc người Chứt.

**Từ khóa:** Giá trị thẩm mỹ, biểu tượng, môi trường tự nhiên, văn hóa - xã hội, dân tộc Chứt, tỉnh Quảng Bình.

**Abstract:** This article explores the aesthetic and symbolic values of the natural and socio-cultural environment of the Chut people in Quang Binh Province. It highlights how elements of the natural environment strongly influence the culture of this ethnic group, as reflected in their houses, bark clothing, traditional dishes, musical instruments, production tools, religious activities, and festivals. The aesthetic and symbolic values discussed in the article serve as important cultural materials, aiding individuals and researchers in selecting and shaping community attire that embodies the cultural identity of the Chut people.

**Keywords:** Aesthetic value, symbolism, natural environment, culture-society, Chut ethnic group, Quang Binh Province.

Ngày nhận bài: 21/11/2024; ngày gửi phản biện: 5/12/2024; ngày duyệt đăng: 19/2/2025.

### Đặt vấn đề

Các giá trị thẩm mỹ và giá trị biểu tượng là thành tố văn hóa do con người tạo ra để sử dụng như một loại công cụ thông tin và giao tiếp có tính tượng trưng. Chúng ra đời, tồn tại và tác động đến đời sống văn hóa con người. Vì vậy, việc tìm hiểu biểu tượng cũng chính là tìm

hiểu đời sống văn hóa và xã hội loài người thông qua các biểu tượng văn hóa mà con người tạo ra. Thông qua biểu tượng, ta có thể hiểu và cảm nhận những nền văn hóa cổ xưa cách chúng ta nhiều thế kỷ. Do đó, biểu tượng dân gian là những hình tượng được lưu truyền tự nhiên, nhiều người biết đến trong dân gian. Nó thể hiện tư duy, suy nghĩ, ước muốn của con người đối với thiên nhiên và cuộc sống (Đình Hồng Hải, 2014). Biểu tượng văn hóa là những hình ảnh, đối tượng hoặc thực hành mang ý nghĩa tượng trưng, đại diện cho các giá trị, niềm tin và bản sắc của một cộng đồng hay dân tộc. Theo Trần Ngọc Thêm (1996), biểu tượng văn hóa là “cách con người tái hiện thế giới quan và nhân sinh quan thông qua các hình thức vật chất và phi vật chất”. Thẩm mỹ hay chính những quan niệm về cái đẹp là một hình thức phát triển cao của cơ cấu giá trị trong nền văn hóa của mỗi dân tộc (Nguyễn Phương Việt, 2022). Quan niệm về cái đẹp cũng rất phong phú, cái đẹp ở sự hòa điệu, tính thiện, có quan niệm đi tìm cái đẹp từ thế giới siêu tự nhiên, ý niệm, tinh thần ở bên ngoài con người. Tuy vậy, các quan niệm về cái đẹp đều hướng đến những giá trị chung nhất để con người phấn đấu làm giàu thêm tư tưởng thẩm mỹ của mình. Giá trị thẩm mỹ tạo hình y phục của các tộc người xuất phát từ nhận thức riêng về hình khối, màu sắc, kỹ thuật và có những gắn kết với cội nguồn tộc người. Quan niệm này tồn tại trong đời sống văn hóa tinh thần, vật chất, tín ngưỡng, đạo đức, ứng xử, những khát vọng cùng lý tưởng sống của tộc người. Ý thức này biểu hiện quan niệm của cả cộng đồng hơn là của mỗi cá nhân (Nguyễn Phương Việt, 2022). Việc tìm hiểu những giá trị thẩm mỹ, biểu tượng trong môi trường tự nhiên và văn hóa - xã hội góp phần nhận diện bản sắc văn hóa tộc người, từ đó mọi chủ trương, kế hoạch bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa mới có cơ hội đi vào cuộc sống của người dân.

Dân tộc Chứt là một trong 14 dân tộc thiểu số rất ít người ở Việt Nam. Theo Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam năm 2019, người Chứt có dân số là 7.513 người (3.793 nam, 3.720 nữ), bao gồm 05 nhóm địa phương: Mày, Rục, A Rem, Mã Liềng và Sách. Họ cư trú tập trung ở miền núi phía tây của tỉnh Quảng Bình với 6.572 người, phân bố tại khu vực thành thị (222 người) và nông thôn (6.350 người) trên địa bàn các huyện Minh Hóa, Tuyên Hóa và Bố Trạch. Ngoài ra, tộc người này còn có mặt ở một số địa phương khác, như: tỉnh Đắk Lắk - 540 người, tỉnh Hà Tĩnh - 206 người, tỉnh Lâm Đồng - 82 người,... (Tổng cục Thống kê, 2020).

Trước năm 1945, chúng ta chỉ biết đến dân tộc Chứt qua những trang mô tả sơ lược của L. Cadière (1905). Đến những năm 70 của thế kỷ XX, các công trình của Phạm Đức Dương và Hà Văn Tấn (1978), Nguyễn Phú Phong và cộng sự (1988) đã đề cập đến vấn đề ngôn ngữ tiền Việt - Mường của dân tộc này. Về mặt văn hóa, các công trình của Tạ Long (1975), Nguyễn Văn Mạnh (1996), Võ Xuân Trang (1998), Nguyễn Thị Ngân (2017)..., đã đóng góp những tư liệu bước đầu phục vụ công tác xác định thành phần và hiểu biết hơn về tộc người Chứt. Tuy nhiên, những nghiên cứu về giá trị thẩm mỹ, biểu tượng truyền thống trong môi

trường tự nhiên và môi trường văn hóa - xã hội của dân tộc này hiện nay còn rất khiêm tốn, chủ yếu nằm tản mạn trong các trang viết về văn hóa truyền thống của tộc người Chứt.

Trong bối cảnh hiện nay, theo xu thế chung, các giá trị văn hóa truyền thống của người Chứt đang tiếp tục biến đổi, tình trạng mai một, đứt gãy bản sắc văn hóa truyền thống trong quá trình phát triển vẫn đang diễn ra. Đó là sự “hòa tan” nhanh chóng về văn hóa và tiếng nói của giới trẻ người Chứt (Trần Thị Hồng Yến, Nguyễn Văn Mạnh, 2015, tr. 611-715). Tuy vậy, cộng đồng này vẫn còn lưu giữ được một số yếu tố văn hóa cổ.

Trong mấy chục năm qua, trang phục của người Chứt là một quá trình học hỏi, giao thoa, tiếp biến trang phục với các tộc người thuộc ba nhóm ngôn ngữ Việt - Mường, Tày - Thái và Môn - Khơ-me. Trang phục phổ thông (theo kiểu người Kinh) được sử dụng ngày càng phổ biến ở tất cả các nhóm của dân tộc Chứt. Cùng với đó, người Chứt cũng dùng đồ trang sức giống như các cư dân miền núi Trường Sơn - Tây Nguyên. Trong bộ sưu tập trang phục của các dân tộc ở nước ta tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, chỉ có 53/54 dân tộc có trang phục truyền thống được sưu tầm phục vụ trưng bày và bảo quản (từ năm 1997 đến nay). Duy nhất 01 dân tộc không có trang phục truyền thống được trưng bày tại đây, đó là dân tộc Chứt. Trong bối cảnh đó, chủ thể người Chứt luôn băn khoăn, mong muốn có được một bộ y phục bằng vải của riêng mình như bao dân tộc anh em khác, qua đó họ có cơ hội giới thiệu bản sắc văn hóa của dân tộc mình với cộng đồng quốc gia đa dân tộc Việt Nam. Những tâm tư này được đồng bào Chứt thể hiện rõ trong phát biểu tại các hội nghị, diễn đàn trao đổi về vấn đề bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa của người Chứt trong bối cảnh hiện nay. Đây là một nguyện vọng chính đáng, bởi Hiến pháp Việt Nam qua các thời kỳ đều khẳng định quyền bình đẳng của các dân tộc, trong đó có bình đẳng về văn hóa - một sự khẳng định quan trọng, rõ ràng của thể chế chính trị trong việc công nhận quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong một quốc gia thống nhất.

Bài viết này là một phần kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học cấp Sở năm 2024: *“Nghiên cứu thực trạng, nhu cầu và định hình trang phục sinh hoạt cộng đồng của dân tộc Chứt ở tỉnh Quảng Bình”* do Viện Dân tộc học chủ trì, TS. Bùi Thị Bích Lan là chủ nhiệm, có mục tiêu nghiên cứu nhu cầu, nguyện vọng của người Chứt ở tỉnh Quảng Bình để xây dựng bộ trang phục sinh hoạt cộng đồng cho chủ thể văn hóa. Do đó, việc nhận diện các giá trị thẩm mỹ, biểu tượng trong môi trường tự nhiên và văn hóa - xã hội của người Chứt ở tỉnh Quảng Bình đóng vai trò quan trọng trong việc định hình trang phục sinh hoạt cộng đồng mang bản sắc văn hóa tộc người.

Bài viết dựa trên tư liệu nghiên cứu thực địa tại các thôn/bản của người Chứt thuộc 3 huyện Bố Trạch, Minh Hóa, Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình vào tháng 10/2024, trong đó chúng tôi đã thực hiện nhiều cuộc phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm ở 5 nhóm người Arem, Mày, Rục, Sách, Mã Liềng. Bên cạnh đó, nguồn tài liệu viết về văn hóa truyền thống của 5 nhóm

địa phương tộc người Chứt trước đó đã được chúng tôi tham khảo, kế thừa kết hợp cùng tài liệu điền dã dân tộc học để tạo nên kết quả của bài viết.

### 1. Một số giá trị thẩm mỹ, giá trị biểu tượng trong môi trường tự nhiên

- Các hình ảnh của thiên nhiên (núi rừng, hang động, hoa lá, cỏ cây và thế giới thực vật khác) được đồng bào ưa thích, trở thành đặc trưng của địa phương, được xuất hiện phổ biến, sử dụng thường xuyên, gắn gũi và thân thuộc với cuộc sống thường ngày:

Khi nói đến những hình ảnh thiên nhiên thân thuộc với cuộc sống thường ngày của người Chứt, chúng ta không thể không nhắc đến núi rừng với những dãy núi đá bao quanh, những cánh rừng với dải màu xanh bạt ngàn của cây cối. Cho đến nay, những tộc người cận cư vẫn gọi các nhóm địa phương của người Chứt là “người rừng” bởi một thời gian dài trước đây những nhóm này sống trong rừng, bước ra từ rừng và hiện tại dù đang hòa nhập với cuộc sống định cư nhưng văn hóa đảm bảo đời sống của họ vẫn gắn chặt với rừng. Cũng bởi sự thân thuộc với màu xanh của rừng nên khi được hỏi về màu sắc yêu thích trên trang phục, có 56,9% số người được hỏi lựa chọn màu xanh (Số liệu điều tra phiếu hỏi của đề tài năm 2024), đặc biệt họ còn lý giải, màu xanh vừa tượng trưng cho không gian sinh sống của tộc người, vừa là màu của các chú bộ đội bởi người Chứt mang ơn bộ đội đã đưa họ ra khỏi rừng, giúp họ định cư, dạy họ cách trồng lúa, cách chăn nuôi,...

Trong môi trường tự nhiên, hang đá được coi là một biểu tượng thân thuộc với cuộc sống của người Chứt, bởi trước khi được phát hiện, họ cư trú chủ yếu ở đó. Kể cả khi được bộ đội biên phòng đưa ra sinh sống trong những ngôi nhà gỗ, rất nhiều người trong số họ tìm cách quay lại hang đá hoặc vẫn coi đó là ngôi nhà tổ tiên để thi thoảng quay lại thăm nom, kể cho con cháu nghe về thời còn sinh sống ở trong hang. Hiện nay, những cô cậu học sinh người Rục ở bản Ón, xã Thượng Hóa, huyện Minh Hóa vẫn tự tin trả lời rằng: “Ngày xưa ông bà cháu sống ở trong hang đá” (PVS nam, sinh năm 2010, tháng 10/2024).

Thế giới thực vật xung quanh cuộc sống của người Chứt vô cùng phong phú bởi lối sống chan hòa với thiên nhiên, cỏ cây, hoa lá. Nếu như lúa là cây thân thuộc với những tộc người có truyền thống làm lúa rẫy hoặc lúa ruộng thì ở người Chứt, một loại cây gần gũi hơn cả là cây *báng* (hay còn gọi là cây *Kapac*, *cây nhúc*). Người Chứt cho rằng cây báng là biểu tượng của sự sống, bởi một thời gian dài sống trong rừng, loài cây này như người mẹ thiên nhiên mang lại nguồn sống cho họ. Theo miêu tả của nhà nghiên cứu Võ Xuân Trang (1998, tr. 81-82), của người dân và qua quan sát thực tế của chúng tôi, cây báng thuộc cây họ dứa, cao chừng 7-10m, đường kính 30cm. Lá kép lông chim, dài từ 3-5m, có nhiều lá nhỏ xếp hai bên sống lá, mỗi lá nhỏ dài 60cm, rộng 2,5-3,2m. Mặt trên lá có màu xanh lục, mặt dưới màu trắng như phấn mốc. Cây báng mang lại rất nhiều giá trị cho người dân, lá dùng để lợp nhà, gân lá để vót làm mũi tên dùng săn bắn, thân cây làm cối để giã bột, phần ruột cây được lấy phơi khô và giã bột làm lương thực chính những ngày tháng ở rừng, nước từ thân cây có thể

làm rượu uống,... Chùng ấy công dụng khiến loài cây này trở thành cây sống đời của người Chứt. Sau này khi đến khu tái định cư sinh sống, người Chứt vẫn răn dạy con cháu nhớ và biết ơn đến loài cây báng từng nuôi sống tổ tiên của mình.

Nếu như cây báng mang lại cho người Chứt nguồn sống từ khi còn ở trong rừng thì cây *ráng* chính là nguồn nguyên liệu quý tạo nên “văn hóa mặc” ở tộc người này. Xưa kia người Chứt không có nghề dệt, vì vậy phương thức tạo nên bộ trang phục để họ mặc hằng ngày chính là đập rập vỏ cây ráng. Loài cây này mọc nhiều ở trong rừng, vỏ cây rất dai có thể tạo sợi đan thành các loại túi đeo, lá cây có kích thước bằng bàn tay, phân tách thành 3 cánh tạo điểm nhấn đặc biệt. Cây ráng khá quen thuộc với người dân ở tất cả 5 nhóm Mây, Rục, Sách, Mã Liềng, Arem bởi trước khi có quần áo mặc, vỏ cây này được chế tác thành những bộ trang phục để mặc hoặc những tấm choàng để đắp về mùa lạnh.

Trong đời sống tâm linh của người Chứt có một loại cây mang tính thiêng khá độc đáo, đó là cây *t'rang*. Loài cây này mọc trong rừng, thân nhỏ, lá sum suê có hình dạng giống lá bưởi và có mùi thơm. Người dân có lấy về trồng trong vườn nhà nhưng cây khó sống, vì vậy mỗi khi nhà có dịp lễ cần sử dụng lá cây *t'rang*, họ thường vào rừng hái mang về. Lá của cây này thường được sử dụng trong các lễ cúng thần rừng gắn với các hoạt động mang tính ma thuật: Trong lễ cúng, người Chứt đốt 7 viên đá vôi, sau đó bôi tiết gà vào từng mặt đá rồi thả vào chậu nước suối để nước sôi lên. Thầy cúng dùng cành lá *t'rang* nhúng vào chậu nước rồi vẩy theo 5 hướng: đông, tây, nam, bắc và hướng của thần thổ địa. Người Chứt cho rằng, lễ cúng thần rừng mà không có lá cây *t'rang* thì không thực hiện được bởi từ thời xa xưa, thế hệ cha ông của họ đã gán cho loài cây này tính thiêng đặc biệt mà các cây khác không thay thế được.

Ngoài vai trò cây thiêng sử dụng trong các lễ cúng, lá cây *t'rang* còn được người Chứt dùng để giải xui khi gia đình có người chết hoặc tẩy uế khi trong nhà có người mới sinh đẻ. Nghi thức giải xui được thực hiện khi các thành viên trong gia đình đưa tang về, người chủ lễ cầm cành lá *t'rang* nhúng vào chậu nước có hòn đá vôi được đốt nóng đặt trong đó rồi vẩy lên người các thành viên đi đưa tang về. Nghi thức này được họ lý giải là để hồn ma người chết và những thứ xui xẻo không đeo bám người sống. Đối với trường hợp gia đình có người mới sinh con, bà mẹ tiến hành nghi thức tẩy uế. Nghi thức này bắt nguồn từ quan niệm của người Chứt cho rằng, việc người phụ nữ sinh đẻ trong ngôi nhà gây nên sự ô uế, phạm đến các đấng linh thiêng bảo vệ sức khỏe, hạnh phúc cho mọi thành viên được gia đình tôn thờ, coi trọng. Vì vậy, đối với người Chứt trước đây, bất kể là ai, vợ, con dâu, con gái sinh đẻ trong nhà đều bị coi là vi phạm nguyên tắc kiêng cử theo phong tục. Tập tục đẻ ngoài nhà của đồng bào Chứt cũng như các cộng đồng khác ở vùng Trường Sơn - Tây Nguyên được hình thành trên quan niệm tâm linh là điều bắt buộc. Trường hợp nếu có sản phụ không may đẻ rơi trong nhà chính thì gia chủ phải lo sắm lễ vật gồm: 1 con gà, 1 chai rượu rồi mời thầy cúng làm lễ tạ lỗi. Mục đích nhằm tránh sự trừng phạt của các thần linh trong nhà. Gia đình nào không làm lễ, theo quan niệm sẽ bị các thần linh gây ra đau ốm, bệnh tật, mùa màng bị thất thu. Đối với

những trường hợp sinh đẻ ngoài nhà, lúc đón mẹ con sản phụ vào nhà, bà mẹ sẽ dùng lá *t'rang* nhúng vào chậu nước có hòn đá vôi được đốt nóng đặt trong đó rồi vẩy lên sản phụ với niềm tin tẩy bỏ được những thứ uế tạp từ quá trình sinh nở của người phụ nữ, mang đến sự may mắn, khỏe mạnh cho đứa trẻ sơ sinh.

- *Thế giới động vật có ý nghĩa linh thiêng, xuất hiện phổ biến trong cuộc sống thường ngày:*

Cuộc sống của người Chứt gắn bó nhiều với thiên nhiên, vì vậy các con vật trên rừng cũng mang tính thẩm mỹ theo cách nghĩ của họ. Phụ nữ Rục, Arem, Mã Liềng thích lượm những con ốc núi (*lon pả kán*) để xâu thành chuỗi hạt đeo ở cổ bởi họ quan niệm đeo vòng ốc vào sẽ gặp may mắn trong công việc hái lượm (Nguyễn Văn Mạnh, 1996, tr. 81). Trong khi đó đàn ông các nhóm này thường có sự thích thú với vuốt hổ và nanh lợn rừng bởi theo họ những vật đó tượng trưng cho sự mạnh mẽ, quyết đoán. Khi còn ở trong rừng, việc săn bắt diễn ra như công việc hằng ngày, nếu săn được hổ hoặc lợn rừng, những người đàn ông thường lấy vuốt hổ và răng nanh lợn phơi khô, dùng vật nhọn khoan lỗ nhỏ ở phần trên rồi xâu lại bằng một sợi dây rừng, tạo thành vòng đeo cổ. Cho đến hiện tại, nếu ai còn giữ được, họ vẫn coi đó là đồ trang sức quý giá và thiêng bởi đeo nó vào giống như chiếc bùa hộ mệnh, giúp họ tránh được rủi ro khi đi rừng và gặp may mắn trong làm ăn.

Điều đặc biệt là tất cả 5 nhóm của dân tộc Chứt dù địa vực cư trú cách xa nhau nhưng đều có chung một sở thích đó là vẻ đẹp của con *Voọc Chà và chân nâu* ở vùng núi Quảng Bình. Con vật này thuộc họ khỉ và là loài có màu sắc rực rỡ nhất trong các con vật trên rừng - nơi người Chứt cư trú. Trong những công trình nghiên cứu trước đây, các nhà sử học, dân tộc học đều khẳng định, người Chứt khi còn sống trong rừng rất thích ăn thịt khỉ. Khi chúng tôi khảo sát tại 5 nhóm của dân tộc Chứt, người dân cũng công nhận điều đó. Thú vị hơn là họ miêu tả màu sắc của *Voọc Chà và chân nâu* rất kỹ lưỡng với một sự ngưỡng mộ vẻ đẹp tự nhiên: Cả con đực và con cái trưởng thành đều có màu sắc giống nhau. Đỉnh đầu gần trán có vạt lông màu đen, từ vai đến 2 cánh tay, bàn tay, bàn chân màu đen, mặt có màu vàng sáng, ngực và 2 bên bẹn có viền màu cam, còn lại toàn thân và cánh tay có màu xám, riêng 2 cẳng chân có màu nâu đỏ. Đặc biệt, ở phía hông có mảng trắng hình tam giác kéo dài đến mót đuôi. Giữa con đực và con cái có thể phân biệt dựa vào túm lông trắng kéo dài ra ở 2 góc nhọn của tam giác ở con đực trưởng thành, con cái thì không có 2 túm lông dài này. Trên khuôn mặt của con *Voọc* trưởng thành có bộ râu trắng dài quanh mặt. Một nguyên cán bộ xã người Arem chia sẻ với chúng tôi rằng, con *Voọc Chà và chân nâu* ở nơi khác thường được mệnh danh là nữ hoàng linh trường bởi nó có bộ lông nhiều màu sắc sặc sỡ, còn ở đây, người dân coi đó là con vật đẹp nhất núi rừng. Hiện nay, con vật này được đưa vào danh sách động vật quý hiếm và đang trong tình trạng nguy cấp cần được bảo tồn tại Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng của tỉnh Quảng Bình, vì vậy, người dân không được phép săn bắt, cũng ít nhìn thấy chúng xuất hiện như trước. Tuy nhiên, qua lời kể của người dân, con vật này đã gắn bó với cuộc sống của họ từ thời xa xưa, mang lại cho họ nguồn sống và những tri thức trong khai

thác sản vật tự nhiên, xuất hiện trong những câu chuyện kể của người già dành cho trẻ, thế hệ trước truyền cho thế hệ sau, trải qua thời gian nó trở thành một trong những biểu tượng thẩm mỹ học của tộc người.

Đối với các loại côn trùng, người Sách, Rục, Mã Liềng có sự ưa thích những họa tiết trang trí hình con rết. Theo lời kể của những bậc cao niên người Mã Liềng, chiếc áo vải của nữ giới từ thập niên 1990 đã có những sợi vải đỏ tết vào nhau, cắt chỉ tua rua theo hình con rết trang trí trên phần vai, nửa thân áo. Xa xưa hơn, những người đàn ông nhóm Sách, Rục khi làm những bộ trang phục bằng vỏ cây rừng không quên tạo hai đường tết sợi hình con rết dọc thân áo để thắt giữ cố định cho áo. Con rết có ở trong cuộc sống đời thường, xuất hiện trong nhà, ngoài vườn, trên rừng vào những mùa thời tiết nắng nóng. Họ cho rằng màu đỏ cam đậm trên mình con rết và những chiếc chân rết tua rua khá đẹp mắt, lại dễ tạo hình và nổi bật. Tạo hình con rết là một mô típ đơn giản, gồm một trục chính giống như mũi tên và vài nhánh nhỏ đối xứng qua trục, gần giống với tạo hình xương cá hay cây mây.

Khảo sát ở cả 5 nhóm Sách, Arem, Mày, Rục, Mã Liềng đều có câu thành ngữ: “*Gặp rắn thì đi, gặp quy thì về*”, ý chỉ con rắn tượng trưng cho sự may mắn, nếu gặp trên đường đi thì làm công việc gì cũng thuận lợi. Ngược lại, nếu trên đường đi gặp con rùa, họ coi là điềm rui, đi săn không được thú, đi trồng hạt, hạt không lên hoặc mất mùa vụ đó. Tuy nhiên, quan niệm này hiện nay đã thay đổi do tác động của kinh tế thị trường, người dân không còn sợ rui ro khi đi rừng gặp con rùa nữa. Họ cho rằng nếu nhìn thấy rùa vàng sẽ bắt mang về bán bởi loài rùa vàng có giá trị kinh tế rất cao.

- *Thế giới quan và các biểu tượng:*

Xuất phát từ quan niệm vạn vật hữu linh, người Chứt tin rằng thần linh ngự trị ở khắp nơi, đó là thần rừng, thần nương rẫy, thần nước, thần bếp,... Thế giới quan của người Chứt gồm ba tầng: tầng trên cùng là tầng trời, ở tầng này có các đấng thần linh tối cao như thần Mặt trời (*Son moặt plời*), thần Mặt trăng *Sson pu loan*), thần Gió (*Son cả gió*), thần Mây (*Son mây*), thần Định mệnh (*Son kuy lòi*),... Tầng giữa (*pên ni*) là thế giới con người và vạn vật đang sinh sống, ở đây có sự tồn tại của các loài ma khác nhau: ma rừng (*kim ni brú*), ma suối (*kim ni pun dók*),... Những hiện tượng lạ của thiên nhiên, người Chứt cũng cho rằng đó là do ma làm, những thứ ma đó tồn tại bên cạnh con người và chi phối trực tiếp mọi lĩnh vực trong cuộc sống. Tầng dưới (âm phủ) là thế giới dành riêng cho người chết. Theo quan niệm của người Chứt, nếu vía tốt, khi chết đi sẽ được trở lại sinh hoạt bình thường như trên trần gian cùng với ông bà tổ tiên. Ngược lại, nếu vía xấu, khi xuống thế giới cõi chết cũng bị giam cầm và hành hạ, có thể biến thành những con vật bản thú (Nguyễn Thành Vân, 1997, tr. 70-71). Quan niệm thế giới có ba tầng là cơ sở cho những hoạt động tín ngưỡng của người Chứt. Thế giới quan đa thần và vạn vật hữu linh cũng để lại dấu ấn mạnh mẽ trong đời sống tinh thần của họ, từ đó dẫn đến nhiều hình thức cúng bái như cúng thần núi, thần lúa, thần bếp, thần bản mệnh,...

Về cõi sống, cõi chết, người Chứt có quan niệm con người có hai phần: phần xác và phần hồn (vía). Khi một người chết đi, nghĩa là hồn lìa khỏi xác, người chết biến thành ma. Nếu vía tốt sẽ trở về với ông bà tổ tiên, vía xấu thì bị hành hạ bằng những cực hình của địa ngục. Với người Chứt, con người không chỉ có một vía mà có nhiều vía tương ứng với các bộ phận trong cơ thể. Vì vậy, khi nào bị ma bắt vía thì con người ta sinh ra đau ốm, lúc đó phải cúng để gọi vía về. Cõi sống của người Chứt chịu sự chi phối của mọi thần linh, con người luôn mang nhiều thứ vía trong mình, song những thứ vía đó bị sự chi phối bởi một thế giới thần linh siêu nhiên nào đó quyết định. Quan niệm này giúp người Chứt răn dạy con cháu sống lương thiện, làm việc tốt, không hại người để khi chết được về với ông bà tổ tiên và không bị trừng phạt.

## **2. Một số giá trị thẩm mỹ, giá trị biểu tượng trong hệ thống nghi lễ, kho tàng văn học và nghệ thuật dân gian**

- Trong hệ thống nghi lễ:

Trong điều kiện cư trú ở vùng rừng núi, lại chịu ảnh hưởng của gió Lào khắc nghiệt, cuộc sống nghèo khó của đồng bào vốn đã lệ thuộc vào thiên nhiên, cộng thêm dịch bệnh, thiên tai đã trở thành những lý do khiến người Chứt tin và cầu xin sự trợ giúp của các đấng siêu nhiên, nhằm trấn an tinh thần và vượt lên số phận bằng những nghi lễ cúng thần/ma.

Người Chứt không có bàn thờ tổ tiên trong ngôi nhà của mình, nhưng buồng ma và cây cột chính (*Rô ông pa chít* của người Arem, *Có lôóc* của người Mày, người Rục) là không thể thiếu khi dựng nhà, đặc biệt trong không gian cư trú của gia đình tộc trưởng. Cùng với bếp, đây là khu linh thiêng nhất trong nhà, nơi trú ngụ của những hồn ma tổ tiên nhiều thế hệ. Trước mỗi lần đi săn, người Chứt kể lại, họ phải đến buồng ma và cây cột chính này để cầu khẩn, sau đó sang vị trí bếp xin phù hộ cho cuộc đi săn thành công, gia đình có cái ăn.

Bên cạnh đó, các nhóm Chứt còn có tục cúng các vị thần như ma trời, ma núi rừng, ma sông suối trong những dịp đi rừng săn thú, chọn đất, tria hạt, gặt hái hoặc cúng thần khi đau ốm để mong khỏi bệnh. Vì vậy, khi săn được thú lớn, đồng bào thường dành đầu và bộ gan con thú để cảm tạ thần rừng và các ma tổ tiên, thần bếp đã phù trợ. Khi đi rừng, nhóm Sách kiêng mặc bộ trang phục màu đỏ tươi vì theo họ màu sắc sặc sỡ dễ gây chú ý của ma suối, ma rừng, người đi dễ bị bắt hồn và bị ốm đau. Các nhóm còn lại không kiêng màu đỏ, thậm chí nhóm Arem còn bày tỏ sự yêu thích đối với những bộ trang phục màu đỏ.

Các loại hình nghi lễ liên quan đến vòng đời người và chu kỳ canh tác nương rẫy trong một năm ở quy mô từng gia đình hoặc cả cộng đồng, như lễ cúng rừng thiêng, cúng phát rẫy, cúng gieo hạt, lễ cúng cơm mới, lễ tết. Gắn với lễ hội là các món ăn tiêu biểu của đồng bào như món bột báng, xôi đồ, thịt nướng, rượu báng, rượu cần,... Đặc biệt lễ hội còn là môi trường diễn xướng của các loại hình dân ca, dân vũ, các loại nhạc cụ như trống, khèn, tù và

vang vọng núi rừng. Lễ hội cũng là dịp tăng cường sự cố kết cộng đồng, là sự thể hiện ước vọng về một cuộc sống an lành, no đủ (Nguyễn Chí Ngàn, 2012, tr. 351).

- Trong văn học, nghệ thuật:

Trong quá trình lao động, sản xuất, đồng bào Chứt đã sáng tạo ra những giá trị văn hóa tinh thần, thông qua hình thức văn nghệ dân gian mang bản sắc tộc người. Trong các loại hình văn học dân gian, truyện kể chiếm ưu thế, thể hiện quan niệm của con người về vũ trụ, về cuộc đấu tranh chống chọi với thiên nhiên, về khát vọng của con người vươn đến cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Truyện cổ của các nhóm Chứt thường đề cập đến nguồn gốc sinh ra các dân tộc như: *Sự tích sinh ra các dân tộc*, *Những người anh em*, *Tám giỏ trứng sinh ra con người*. Cả ba sự tích đều nói tới người Chứt được sinh ra đầu tiên, rồi đến người Khùa, người Lào, cuối cùng là người Kinh. Sự tích *Người Mày mất chữ, mất họ* nói tới việc cùng một cha mẹ sinh ra, trong đó người Mày là anh cả, người Khùa thứ hai, người Nguồn là em út. Nếu *Nạn hồng thủy* của đồng bào Mày, Arem gắn với biểu tượng quả bầu - thứ sản sinh ra loài người thì ở người Rục, nạn hồng thủy do con thuồng luồng (*con nhả đác*) gây ra và trời là đấng cứu thế giúp con người tồn tại, phát triển mà không phạm tội loạn luân (loài người sinh ra từ bọc trứng trên cơ thể người em gái do người anh trai ném bã trầu vào). Nhà nghiên cứu Từ Chi đã từng khẳng định: Cách giải quyết theo thần thoại người Rục về sự bảo tồn và phát triển của loài người và nguồn gốc các dân tộc là một cách giải quyết ngây thơ, hồn nhiên và đẹp vì đã giúp con người tránh được tội loạn luân (dẫn theo Võ Xuân Trang, 1998, tr. 109). Trong câu chuyện kể về nạn hồng thủy của người Rục, một số hình ảnh truyền thống của nhóm người này đã được đưa vào như người em gái ngồi khâu tấm vỏ cây làm đồ mặc, người anh luôn giữ tục ăn trầu,...

Truyện cổ của người Chứt còn lấy các đề tài về sự tích các hiện tượng tín ngưỡng như *sự tích thờ bếp lửa*, *sự tích cây thuốc lá*, *cây chè*, hoặc *sự tích về các công cụ săn bắn* như nỏ, lao, bẫy (Nguyễn Văn Mạnh, 1996, tr. 118). Dù không đồ sộ như các tộc người khác nhưng hệ thống truyện kể của người Chứt phần nào nói lên lịch sử tộc người, khát vọng chinh phục thiên nhiên, cải tạo xã hội để giành lấy cuộc sống bình yên, hạnh phúc. Đồng thời qua những câu chuyện cũng phản ánh quan niệm của đồng bào Chứt về những phạm trù mỹ học như chuẩn mực của sự lương thiện, cái đẹp và cao thượng. Do đó, truyện cổ của người Chứt mang giá trị giáo dục sâu sắc.

Trong kho tàng dân ca cổ truyền của dân tộc Chứt, điệu *Kà tom tà lênh* tồn tại như là làn điệu duy nhất trong sinh hoạt diễn xướng dân gian của đồng bào các nhóm địa phương người Chứt. Cùng một làn điệu dân ca nhưng mỗi nhóm lại sử dụng rất linh hoạt, sinh động trong nhiều khung cảnh khác nhau, tạo nên đời sống diễn xướng giàu giá trị biểu cảm. Họ có thể hát *Kà tom tà lênh* (Con trâu đi cày), *Cà tăng tà nên* (Chiều về trên đỉnh núi), *Đàng về* trong lúc lao động trên nương rẫy, khi làm đồng hay cả trong đám cưới, khi ru con ngủ. Điệu *Kà tom tà lênh* là dạng hát đối đáp giữa nam và nữ, có phong cách dí dỏm, hóm hỉnh nhưng rất trữ tình, giọng điệu ngân nga như pha trộn màu sắc thiên nhiên trong đó. Vì thế, trước đây đồng bào hát

trong các ngày lễ hội, ngày cưới hoặc trong quá trình tỏ tình giữa nam và nữ. Bên cạnh đó, khi rảnh rỗi, đồng bào Chứt thường ngồi quanh bếp lửa hát, kể lại những cuộc đánh nhau với giặc và những chiến công vẻ vang của dân tộc mình (Nguyễn Thị Ngân, 2017, tr. 320).

Truyện cổ và dân ca của người Chứt cho phép chúng ta hình dung được về nguồn gốc tộc người, quá trình di cư tới những vùng đất nhất định, gắn với canh tác nương rẫy, chống chọi với thiên nhiên hung dữ, giáo dục truyền thống cho con cháu đời sau. Do vậy, cả truyện cổ và dân ca dân gian đều thể hiện giá trị nhân văn, chân thiện mỹ, cái cao thượng trong cuộc sống, đồng thời phản ánh thế giới quan, nhân sinh quan của đồng bào.

Nhạc cụ truyền thống của người Chứt không phong phú về loại hình, cấu tạo đơn giản nhưng lại có thể biểu diễn trong nhiều không gian khác nhau như lễ hội, cưới xin và tang ma. Tù và, sáo, đàn ống, đàn môi, trống, chiêng là những nhạc cụ phổ biến ở tất cả các nhóm của tộc người này. Ngoài ra, trong quá trình khảo sát, chúng tôi nhận thấy những bậc cao niên còn nhắc đến một số loại nhạc cụ khác như *phèng la* dùng trong ma chay, *ống pía* của thầy cúng dùng để gọi hồn khi chữa bệnh. Hai loại nhạc cụ này hiện nay không thấy xuất hiện trong đời sống của người Rục, người Arem nữa, nhưng vẫn còn được sử dụng trong tang ma hay lễ hội của người Sách, Mày và người Mã Liềng.

### **3. Một số giá trị thẩm mỹ, giá trị biểu tượng trong đời sống sinh hoạt thường ngày**

*- Hình tượng con người trong lao động sản xuất và biểu diễn nghệ thuật dân gian:*

Hình tượng người Chứt trong lao động sản xuất và biểu diễn nghệ thuật dân gian mang nét văn hóa độc đáo, đậm chất núi rừng, gắn bó với thiên nhiên. Người Chứt có truyền thống lao động sản xuất gắn liền với lối sống du canh du cư, khai thác tự nhiên để sinh tồn. Những hình ảnh lao động của họ thể hiện sự mộc mạc, gần gũi với rừng núi. Trong sản xuất nương rẫy, người Chứt làm rẫy trên các triền núi, trồng lúa nương, ngô, sắn. Công cụ lao động chủ yếu là thủ công, như dao, cuốc. Trong săn bắt và hái lượm, hình ảnh người Chứt săn bắt thú rừng, chim, bắt cá là nét đặc trưng trong đời sống hằng ngày. Họ sử dụng nỏ, bẫy hoặc cung tên đơn giản để săn mồi, đồng thời thu hái sản phẩm từ rừng như măng, nấm, mật ong,... Nhìn chung, công việc lao động của người Chứt không chỉ thể hiện sự cần cù mà còn phản ánh mối quan hệ hòa hợp, phụ thuộc vào thiên nhiên để sinh tồn.

Trong biểu diễn nghệ thuật dân gian, mặc dù người Chứt có một nền văn hóa nghệ thuật dân gian giản dị nhưng mang nhiều ý nghĩa biểu tượng, chủ yếu thể hiện qua các nghi lễ, lễ hội truyền thống và các hình thức múa, nhảy mộc mạc. Trong các điệu múa dân gian, tại các lễ hội mùa màng hoặc lễ hội tâm linh, người Chứt thường thực hiện những điệu múa vòng quanh bếp lửa. Các động tác thường mô phỏng công việc lao động hoặc thể hiện niềm vui đoàn tụ. Bên cạnh đó, người Chứt còn có những điệu nhảy tập thể gắn liền với âm thanh của các nhạc cụ truyền thống như trống, chiêng. Đây là cách thể hiện niềm vui, lòng biết ơn với thiên nhiên và tổ tiên.

Hình tượng người Chứt trong lao động và nghệ thuật dân gian vừa giản dị, mộc mạc, vừa phản ánh sự kiên cường, bền bỉ trước khó khăn của cuộc sống. Đây là nguồn tài sản văn hóa cần được bảo tồn và phát huy, góp phần làm phong phú thêm bức tranh văn hóa của các dân tộc Việt Nam.

*- Các công cụ sản xuất, công cụ săn bắn, hái lượm, các vật dụng sinh hoạt:*

Các công cụ sản xuất, vật dụng sinh hoạt, những sản phẩm vật chất, tinh thần được đồng bào sáng tạo ra để phục vụ cho cuộc sống, mưu sinh hằng ngày cũng là những hình ảnh gần gũi với người Chứt. Người dân không chỉ làm ra các đồ vật mà còn coi trọng các đồ vật, thậm chí thiêng hóa chúng với tâm thức vạn vật hữu linh. Vật dụng thường dùng của đồng bào là gùi, nỏ, mũi tên, cuốc, dao, rựa..., đa phần được chế tác từ các nguồn nguyên liệu sẵn có từ trong rừng như mây, tre, lồ ô, giang, nứa,... Các dụng cụ cơ khí được người Chứt trao đổi hoặc mua của các xưởng rèn từ các tộc người lân cận.

Nỏ là công cụ săn bắn được người Chứt xem như một vật linh thiêng, vì vậy phụ nữ không bao giờ được động vào. Họ cho rằng khi phụ nữ chạm vào thì cây nỏ dễ bị ứ tịt, người đi săn dễ gặp rủi ro. Đối với tộc người Chứt, hình ảnh cây nỏ và mũi tên tượng trưng cho sức mạnh và vẻ đẹp của người đàn ông trong công cuộc chinh phục thiên nhiên. Họ cũng quan niệm, nếu trong nhà có treo những vật này, ma quỷ sẽ không dám đến làm hại các thành viên trong gia đình. Nỏ như là một tài sản quý giá được truyền từ đời này sang đời khác. Ngoài là công cụ săn bắn, nỏ còn là một vũ khí tự vệ lợi hại, theo truyền thống đi đâu họ cũng mang nỏ theo bên người (Võ Xuân Trang, 1998, tr. 60). Những chiếc bẫy sập, ngọn chông cũng là những hình ảnh thể hiện khả năng sáng tạo của người Chứt trong việc săn bắt thú rừng. Đây là những công cụ đặc trưng cho công cuộc khai thác tự nhiên gắn với cuộc sống của họ từ xa xưa.

*- Nhà cửa:*

Trước khi biết làm nhà ở, người Chứt chủ yếu cư trú trong các hang đá, đó là “ngôi nhà tự nhiên” được đồng bào sử dụng trong thời gian dài. Những năm 60 của thế kỷ XX, nhà cửa của các nhóm Chứt gồm nhà sàn, nhà đất. Nhà sàn gắn với nhóm người Mày, Mã Liềng, Arem, còn nhà đất gắn với nhóm người Sách, Rục (Nguyễn Thị Ngân, 2017, tr. 167).

Sống trên địa hình vùng rừng núi nên tập quán cư trú của đồng bào Mày, Mã Liềng, Arem chủ yếu là ngôi nhà sàn, ngôi nhà có nhiều lợi thế để thích nghi với địa hình không bằng phẳng, chống lại thú rừng, côn trùng ẩm thấp của vùng rừng núi và cũng để phù hợp với tập quán thả rông gia súc (Nguyễn Chí Ngân, 2012, tr. 349). Dẫu những ngôi nhà sàn truyền thống còn đơn sơ nhưng bằng chất liệu gỗ, nứa, lá cây, dây mây đã thể hiện cuộc sống hòa mình vào thiên nhiên mà họ đã lựa chọn.

Cùng với giá trị về công năng sử dụng của một đối tượng vật chất, người Chứt cũng như bao tộc người khác, cũng ưa chuộng và luôn hướng đến cái đẹp, được thể hiện trong không

gian cư trú truyền thống. Những ngôi nhà ở của người Chứt là một trong những biểu tượng đẹp trong cuộc sống của đồng bào. Một số chi tiết trong kiến trúc nhà sàn gỗ của nhóm Mày, Arem, Mã Liềng như hình ảnh cầu thang lên nhà sàn, hay ô cửa sổ ở những ngôi nhà đất bằng gỗ của nhóm Sách, Rục, là những hình ảnh nói lên sự no ấm và tình cảm của mỗi gia đình. Quan niệm về thẩm mỹ, ý thức tạo ra cái đẹp nhiều khi bắt nguồn từ sự khó khăn gắn liền với sự tiện ích nên đã ảnh hưởng đến nhận thức của người Chứt về cái đẹp. Cái đẹp thuần phác, mộc mạc, giản dị, khiêm nhường, là những thuộc tính thẩm mỹ của kiến trúc nhà cửa. Ngôi nhà có vẻ đẹp từ bề mặt tự nhiên, với màu sắc nền nã tự thân của vật liệu, chủ đạo vẫn là màu nâu gỗ, phù hợp với cuộc sống gắn bó trong môi trường rừng của tộc người này.

Nhận thức rõ sự hiểu biết của mình còn hữu hạn trước thiên nhiên vô hạn, người Chứt đã ứng xử với thiên nhiên như một thực thể sống, có tình cảm, có linh hồn. Từ đó, họ dần tạo dựng cho mình những không gian cư trú thích ứng, hài hòa với núi rừng, gửi gắm trong đó những ước nguyện, cầu mong cho cuộc sống bình an, tốt đẹp. Người Chứt đưa các loại cây, lá vào trang trí kiến trúc một cách linh hoạt, hướng đến sự hài hòa và cân đối, kết hợp với cây xanh ngoài nhà một cách sinh động, làm tăng tính hòa quyện với thiên nhiên cho không gian ở. Từ đó, mỗi thế hệ lại tích hợp nhiều tri thức, những bài học, kinh nghiệm quý giá, truyền lại cho thế hệ sau, giúp họ thích ứng tốt hơn với môi trường tự nhiên.

Bên trong ngôi nhà, bếp được coi là không gian thiêng và vị thần bếp (*tờ pê cun*) rất được các gia đình người Chứt coi trọng. Trước đây khi đi xa làm việc quan trọng, đi săn bắt, lấy ong rừng, hái măng, hái nấm, họ đều xin thần bếp phù trợ để cuộc xuất hành được may mắn. Người Chứt luôn răn dạy con cháu khi nấu ăn không đổ nước ra bếp, xả rác quanh bếp vì làm như vậy phạm đến thần bếp, các thành viên trong gia đình dễ bị đau ốm. Các bậc cao niên nhóm người Rục kể rằng, khi còn ở trong rừng, họ đốt lửa thường xuyên cạnh hang đá để tránh thú dữ tấn công. Thêm một chi tiết quan trọng là hình ảnh ngọn lửa từ xa xưa đã mang vẻ đẹp tự nhiên và giá trị nhân văn đối với nhóm người này. Bên ánh lửa, các thành viên trong gia đình vui vẻ quây quần kể cho nhau nghe về chuyến đi săn, đi hái lượm,...

- Các loại hình ẩm thực (ăn, uống, hút,...):

Ẩm thực của người Chứt có sự ảnh hưởng rất lớn từ môi trường tự nhiên, trong đó nổi bật nhất và in sâu trong tâm trí của những người già, thế hệ trước truyền lại cho thế hệ sau là các món chế biến từ *cây báng* (*cây kapac, cây nhúc*), *cây đoác*,... Khi còn sống trong rừng, người Chứt thường xuyên phải tìm bột báng, đây được coi là cây lương thực chính của họ vì loại cây này to, cao nên cho nhiều bột hơn cả. Người Chứt lấy bột từ những thân cây đã được chặt xuống, xắt phần ruột ra thành từng lát mỏng rồi đem rải trên sàn bếp và đốt lửa sấy cho thật khô, sau đó bỏ vào cối giã. Khi giã được bột, họ dùng các loại giần sàng tự đan để tách phần bột ra và tiếp tục giã cho đến khi hết bột mới thôi. Bột giã ra chưa nấu ăn ngay được vì trong đó còn lẫn cả bột và tằm. Công đoạn cuối khó và lâu nhất là rây bột bằng một tấm vải để thu được thành phẩm mịn như bột mì. Để chế biến thành món ăn, người Chứt cho bột vào

nồi nước rồi đun sôi, khuấy đều cho đến khi bột đặc lại để có thể cầm tay vát thành nắm như nắm cơm. Người Chứt rất thích ăn *bột báng* với *thịt khỉ*, uống *rượu toác*, đây là những món ăn đặc sản phổ biến của họ ở vùng Bố Trạch, Minh Hóa, Tuyên Hóa của tỉnh Quảng Bình. Trong tác phẩm *Người Rục ở Việt Nam*, tác giả Võ Xuân Trang có viết: “Sau khi phát hiện và đưa người Rục về sống định cư xa rừng, họ không có đủ rượu toác để uống. Ở bản tuy có rượu nhưng họ vẫn còn nhớ và thêm rượu toác hơn. Vì vậy, có người thi thoảng vẫn bỏ bản và đi rừng một thời gian làm rượu toác để uống và lấy bột báng để ăn” (Võ Xuân Trang, 1998, tr. 85). Điều này trùng hợp với những kết quả phỏng vấn sâu tại địa bàn người Rục ở bản Ón, bản Mò O Ò Ò của xã Thượng Hóa, huyện Minh Hóa của nhóm nghiên cứu. Những người Rục cao niên cho rằng, họ rất nhớ rừng, thêm vị rượu toác, cơm báng và cả mùi thịt khỉ. Tháng niên 1990, nhiều người trong số họ vẫn quay trở lại rừng để được thực hành văn hóa ẩm thực đó.

Hút thuốc lá tự cuốn cũng là một hình ảnh đặc trưng của những người phụ nữ Chứt, đặc biệt là ở nhóm Mày tại bản Ba Loóc, xã Dân Hóa, huyện Minh Hóa. Trước đây trong cộng đồng dân tộc Chứt hầu như ai cũng biết hút thuốc, bất kể đàn ông, phụ nữ, tuy nhiên hiện nay chỉ thấy phụ nữ nhóm Mày là còn phổ biến hút thuốc. Với họ, hình ảnh những người phụ nữ hút thuốc trong bản làng nơi đại ngàn như khẳng định vị thế và nét đẹp của sự tự do.

### **Kết luận**

Nghiên cứu về những giá trị thẩm mỹ, biểu tượng trong môi trường tự nhiên và môi trường văn hóa - xã hội của tộc người Chứt cho thấy những dấu ấn văn hóa truyền thống của tộc người này là văn hóa thảo mộc - thực vật, là những giá trị trong văn hóa vật chất, tinh thần đặc sắc. Chính thẩm thực vật phong phú ở vùng đất Bố Trạch, Minh Hóa, Tuyên Hóa của tỉnh Quảng Bình đã tạo nên những nét văn hóa đặc trưng của tộc người Chứt. Những ảnh hưởng từ môi trường tự nhiên vẫn là một điểm sáng trong văn hóa của tộc người này, thể hiện qua nhà cửa, trang phục vỏ cây, những món ăn đặc trưng, nhạc cụ, công cụ sản xuất, hay các hoạt động tín ngưỡng, lễ hội,... Điều đó khẳng định môi trường tự nhiên có ảnh hưởng rất sâu đậm trong đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của cư dân nơi đây, qua đó bản sắc tộc người được nhận diện. Những giá trị thẩm mỹ, biểu tượng được nói đến ở trên mặc dù không thể đưa hết vào trong bộ trang phục sinh hoạt cộng đồng của người Chứt, nhưng chính từ những chất liệu văn hóa quan trọng đó sẽ giúp cho người dân và các nhà khoa học lựa chọn, định hình nên bộ trang phục mang bản sắc văn hóa của tộc người này.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Phạm Đức Dương, Hà Văn Tấn (1978), “Về ngôn ngữ tiền Việt Mường”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 1, tr. 64-69.
2. Đinh Hồng Hải (2014), *Nghiên cứu biểu tượng - một số hướng tiếp cận lý thuyết*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.

3. Tạ Long (1975), “Về mối quan hệ cộng đồng tộc người giữa ba nhóm Mày, Rục, Sách” trong: *Về vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Mạnh (1996), *Người Chứt ở Việt Nam*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
5. M. L. Cadière (1905), “Les hautés vallées du song Gianh”, BEFEO, tome 5.
6. Nguyễn Chí Ngàn (2012), “Dấu ấn văn hóa truyền thống của tộc người Chứt ở Quảng Bình trong giai đoạn hiện nay”, trong: *Kỷ yếu Hội nghị Thông báo Dân tộc học năm 2012*, Thư viện Viện Dân tộc học, Hà Nội.
7. Nguyễn Thị Ngân (2017), *Nhận diện di sản văn hóa dân tộc Chứt ở Quảng Bình*, Nxb. Sân khấu, Hà Nội.
8. Nguyễn Phú Phong, Trần Trí Dõi, M. Ferlus (1988), *Lexique Vietnammien - Ruc, Francais*, Universite de Paris VII.
9. Trần Ngọc Thêm (1996), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
10. Tổng cục Thống kê (2020), *Kết quả toàn bộ Tổng điều tra Dân số và Nhà ở năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
11. Võ Xuân Trang (1998), *Người Rục ở Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
12. Nguyễn Thành Vân (1997), “Vài nét về tôn giáo tín ngưỡng của người Rục”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 4, tr. 69-75.
13. Nguyễn Phương Việt (2022), “Quan niệm thẩm mỹ trong tạo hình trang phục nữ truyền thống của dân tộc Pà Thẻn”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, số 494, tr. 36-39.
14. Trần Thị Hồng Yến, Nguyễn Văn Mạnh (2015), “Dân tộc Chứt”, trong Vương Xuân Tinh (Chủ biên): *Các dân tộc ở Việt Nam, Tập 1. Nhóm ngôn ngữ Việt - Mường*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.